

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO - SỰ KIỆN - IN ẤN - VPP KIM THI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO - SỰ KIỆN - IN ẤN - VPP KIM THI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703230940

**3. Ngày thành lập:** 25/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2, Đường số 16, KDC Hiệp Thành 3, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0833922469

Fax:

Email: noreplypls.012@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                          | 1701        |
| 2.  | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                     | 1702        |
| 3.  | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                        | 1709        |
| 4.  | In ấn<br>(trừ các loại hình Nhà nước cấm)                                                                                                                                                               | 1811        |
| 5.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                | 1812        |
| 6.  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị văn phòng (trừ Sản Xuất xộp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b, vật liệu xây dựng, hóa chất tại trụ sở) | 3290        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết : Bán buôn văn phòng phẩm                                                                                                                                | 4649(Chính) |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                      | 4652        |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày                                         | 4659        |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn mực in; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                   | 4669        |
| 11. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                  | 4741        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 12. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                               | 4751                                                         |
| 13. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                   | 4753                                                         |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                       | 4759                                                         |
| 15. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ văn phòng phẩm: Bút mực, bút bi, bút chì, giấy, cặp hồ sơ...                                                                                                                     | 4761                                                         |
| 16. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                              | 4771                                                         |
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ linh kiện điện tử, máy văn phòng: máy in, máy photo, fax; Bán lẻ giấy văn phòng, dụng cụ học sinh; Bán lẻ thiết bị văn phòng, bao bì                                                             | 4773                                                         |
| 18. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                       | 4791                                                         |
| 19. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                      | 5911                                                         |
| 20. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                              | 5912                                                         |
| 21. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                     | 5913                                                         |
| 22. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc                                                                                                                                                                                                                                          | 5920                                                         |
| 23. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                            | 6311                                                         |
| 24. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                | 6312                                                         |
| 25. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                      | 7020                                                         |
| 26. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                           | 7110                                                         |
| 27. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7310                                                         |
| 28. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                      | 7320                                                         |
| 29. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                | 7410                                                         |
| 30. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                           | 7420                                                         |
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                | 7730                                                         |
| 32. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                     | 8230                                                         |
| 33. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                                                    | 9000                                                         |
| 34. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                     | 1820                                                         |
| 35. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                           | 4651                                                         |
| 36. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức             | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN KIM<br>THI  | Số 5/1D Ấp Tiên<br>Lân, Xã Bà Điểm,<br>Huyện Hóc Môn,<br>Thành phố Hồ<br>Chí Minh, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 12.000        | 1.200.000.000            | 40,000       | 0791820198<br>29                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                | Tổng số                            | 12.000        | 1.200.000.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHAN THANH<br>DŨNG | Số 138 Ấp 1, Xã<br>Long Thới,<br>Huyện Nhà Bè,<br>Thành phố Hồ<br>Chí Minh, Việt<br>Nam        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 9.000         | 900.000.000              | 30,000       | 0790760168<br>44                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                | Tổng số                            | 9.000         | 900.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                         |                                                                                               |                                    |        |               |             |                  |
|---|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|---------------|-------------|------------------|
| 3 | TRẦN<br>QUANG<br>TRƯỜNG | 93A/27 Khu phố<br>9, Phường Tam<br>Hiệp, Thành phố<br>Biên Hoà, Tỉnh<br>Đồng Nai, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000 | 3.000.000.000 | 100,00<br>0 | 0752000009<br>66 |
|   |                         |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0             | 0,000       |                  |
|   |                         |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0             | 0,000       |                  |
|   |                         |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0             | 0,000       |                  |
|   |                         |                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0             | 0,000       |                  |
|   |                         |                                                                                               | Tổng số                            | 30.000 | 3.000.000.000 | 100,00<br>0 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: NGUYỄN KIM THI

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 31/03/1982

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079182019829

Ngày cấp: 01/05/2021      Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 5/1D Ấp Tiền Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 5/1D Ấp Tiên Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương